



shèng mǔ

圣母

noun · Holy Mother; Virgin Mary

Example Sentences

Jiào táng lǐ yǒu yī fú shèng mǔ de huà xiàng
教堂里有一幅圣母的画像。

There is a painting of the Virgin Mary in the church.

Tā měi tiān dōu huì xiàng shèng mǔ qí dǎo
她每天都会向圣母祈祷。

She prays to the Holy Mother every day.

Trace each character, then write the word on your own.

圣	圣	圣	圣	圣	圣	圣	圣				
母	母	母	母	母	母	母	母				